

Biểu 1: Kết quả hỗ trợ DNNVV năm 2026
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

DVT: đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ					Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ, đóng góp	Tư học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại		Điều, khoản tham chiếu			
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ			Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	NĐ 80/2021/NĐ-CP	TT 06/2022/TT-BKHĐT	TT 52/2023/TT-BTC	
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p
I	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV		5	200.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	500.000.000	-	500.000.000	50%	500.000.000	Điều 11			
1	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV	DN	5	200.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	500.000.000		500.000.000	50%	500.000.000	Điều 11			
II	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo														
1	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo														
III	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV		125	3.200.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-	100%	400.000.000	Điều 14			
1	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	DN	125	3.200.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000		-	100%	400.000.000	Điều 14			
2	Đào tạo trực tuyến														
3	Đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến														
IV	Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV														
1	Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV														
2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên														
V	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		36	198.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	1.100.000.000	-	130.000.000		1.100.000.000	Điều 25			
1	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		36	198.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	1.100.000.000	-	130.000.000		1.100.000.000	Điều 25	-	-	-
1.1	Hỗ trợ đào tạo	DN	4	65.000.000	260.000.000	260.000.000	130.000.000		130.000.000	50%	130.000.000	K1, Điều 25			
1.2	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng	DN	10	23.000.000	230.000.000	230.000.000	230.000.000		-	100%	230.000.000	K3, Điều 25			
1.3	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường chất	DN	10	45.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000		-	100%	450.000.000	K4, Điều 25			

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ					Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ, đóng góp	Tư học phí của học viên/DNNVV đóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại		Điều, khoản tham chiếu			
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ			Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	NĐ 80/2021/NĐ-CP	TT 06/2022/TT-BKHĐT	TT 52/2023/TT-BTC	
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p
1.4	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	DN	10	25.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000			100%	250.000.000	K5, Điều 25			
1.5	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường chất	DN	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000			100%	10.000.000	K4, Điều 25			
1.6	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	DN	1	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000			100%	30.000.000	K5, Điều 25			
	Tổng cộng (=I+II+III+IV+V)		166	401.200.000	2.630.000.000	2.630.000.000	2.000.000.000	-	630.000.000	2	2.000.000.000		-	-	-

Biểu 2: Tổng hợp dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV năm 2027
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

DVT: đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ					Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ, đóng góp	Tư học phí của học viên/ DNNVV đóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại ND 80/2021/ND-CP		Điều, khoản tham chiếu			
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ			Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	ND 80/2021 /ND-CP	TT 06/2022/T T-BKHĐT	TT 52/2023/ TT-BTC	
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p
I	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV		2.000	5.850.000	11.700.000.000	11.700.000.000	5.850.000.000	5.850.000.000	-		5.850.000.000				
1	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV	DN	2.000	5.850.000	11.700.000.000	11.700.000.000	5.850.000.000	5.850.000.000		50%	5.850.000.000	Khoản 2 Điều 11	Điều 7	Khoản 1, 2, 3 Điều	
II	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo		-	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo														
III	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV		4	100.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-	1	400.000.000				
1	Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	DN	4	100.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-	100%	400.000.000				
2	Đào tạo trực tuyến														
3	Đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến														
IV	Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV		-	-	-	-	-	-	-	-	-				
1	Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV														
2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên														
V	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị		20	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000	-	-	-	700.000.000				
1	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	DN	20	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000				700.000.000				
	Tổng cộng (=I+II+III+IV+V)		2.024	805.850.000	12.800.000.000	12.800.000.000	6.950.000.000	5.850.000.000	-		6.950.000.000				

**Biểu 2.1: Dự toán kinh phí hỗ trợ DNNVV về công nghệ; tư vấn; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo;
hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị năm 2027**
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

DVT: đồng

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ					Ghi chú	
										Tỷ lệ định mức tối đa từ ND 80/2021/ND-CP		Điều, khoản tham chiếu				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ nếu có	Tư học phí của học viên/DNNVV	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Nghị định 80/2021/ND-CP	TT 06/2022/TT-BKHĐT	TT 52/2023/TT-BTC		
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k			i	j=f-h-i	k	l	m	n	o
I	Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV (=1+2+3+4)		2.000	5.850.000	11.700.000.000	11.700.000.000	5.850.000.000	5.850.000.000	-	1	5.850.000.000	Điều 11				
1	Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyển đổi số	DN										Khoản 1 Điều 11	Khoản 1 Điều 4	Khoản 1, 2, 3 Điều 6		
2	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số	DN	2.000	5.850.000	11.700.000.000	11.700.000.000	5.850.000.000	5.850.000.000		50%	5.850.000.000	Khoản 2 Điều 11	Điều 7	Khoản 1, 2, 3 Điều 6		
3	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp, tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm	DN										Khoản 3 Điều 11	Khoản 1 Điều 4	Khoản 1, 2, 3 Điều 6		
4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp	DN										Khoản 4 Điều 11	Khoản 1 Điều 4	Khoản 1, 2, 3 Điều 6		
II	Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (=1+2+3+4+5+6)		-	-	-	-	-	-	-	-	-	Điều 22				
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung	DN										Khoản 1 Điều 22		Điều 7		
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	DN										Khoản 2 Điều 22		Khoản 1, 2, 3 Điều 6		
3	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	DN										Khoản 3 Điều 22		Điều 7		

[illegible]

										Tỷ lệ định mức tối đa từ ND 80/2021/ND-CP		Điều, khoản tham chiếu			
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ nếu có	Tư học phí của học viên/DNNVV	Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Nghị định 80/2021/ND- CP	TT 06/2022/TT- BKHT	TT 52/2023/TT- BTC	
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ								
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h=g*k	i	j=f-h-i	k	l	m	n	o	p
2	Mua sắm, xây dựng phần mềm quản lý mạng lưới tư vấn viên; mua sắm, nâng cấp, duy trì hạ tầng phần cứng, dịch vụ đường truyền, máy chủ và dịch vụ liên quan khác...														
C	Đào tạo, bồi dưỡng phát triển mạng lưới tư vấn viên*. Nội dung này chỉ áp dụng với các Bộ có mạng lưới TVV	Khoá								100%					
IV	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (=1+2+3+4+5)		20		700.000.000	700.000.000	700.000.000	-	-		700.000.000				
1	Hỗ trợ đào tạo											Khoản 1 Điều 25		Điều 7	
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh	DN										Khoản 2 Điều 25			
3	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường											Khoản 3 Điều 25		Điều 7	
4	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng	DN	10	45.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	-	-	100%	450.000.000	Khoản 4 Điều 25		Điều 6	
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng	DN	10	25.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	-	-	100%	250.000.000	Khoản 5 Điều 25		Điều 7	
	Tổng cộng (=I+II+III+IV)		2.020	5.850.000	12.400.000.000	12.400.000.000	6.550.000.000	5.850.000.000	-		6.550.000.000				

[illegible]

TT	Nội dung (khóa đào tạo/địa bàn)	Đơn vị tính	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ					Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/tổng chi phí tổ chức	NSNN hỗ trợ		Nguồn tài trợ (nếu có)	Tư học phí của học viên/DNNVVđóng góp	Tỷ lệ, định mức tối đa tại ND 80/2021/ND-CP/Nghị định 20/2026/ND-CP		Điều, khoản tham chiếu			
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ			Tỷ lệ % NSNN	Số tiền tối đa NSNN hỗ trợ/ đơn vị tính	Nghị định 80/2021/ND-CP	Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT	Thông tư 52/2023/T T-BTC	
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=g-h-i	k	l	m	n	o	p
3	30% học viên trở lên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến; giảng viên dạy trực tiếp toàn bộ														
4	30% học viên trở lên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến; giảng viên dạy trực tuyến toàn bộ.														
5	30% học viên trở lên học trực tiếp, số còn lại học trực tuyến; giảng viên dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến.														
IV	Hoạt động quản lý trực tiếp hoạt động đào tạo														
	Tổng cộng (=I+II+III+IV)		4	200.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	-	-	-	400.000.000	-	-	-	-

**Biểu 3: Dự toán kinh phí hỗ trợ miễn phí đào tạo quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho HKD, CNKD;
hỗ trợ miễn phí đào tạo quản trị về kinh doanh bền vững cho hộ kinh doanh năm 2027**

(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

DVT: đồng

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ (Điều, khoản tham chiếu)			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/Tổng chi phí	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ, đóng góp	Tư học phí của học viên/HKD , CNKD đóng góp	Nghị định 20/2026/NĐ- CP	TT 06/2022/TT- BKHT	TT 52/2023/TT- BTC	
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ						
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=f-h-i	m	n	o	
	Hỗ trợ miễn phí dịch vụ đào tạo		70	500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-				
1	Đào tạo trực tiếp về quản trị doanh nghiệp (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự); đào tạo quản trị về kinh doanh bền vững cho hộ kinh doanh và Chi phí Quản lý trực tiếp hoạt động đào tạo	DN, HKD	70	500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	Điều 11	Điều 12	Điều 8	
2	Đào tạo trực tuyến									Điều 11	Điều 13	Điều 8	
3	Đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến									Điều 11			
	Tổng cộng (=1+2+3)		70	500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-				

**Biểu 3.1: Dự toán kinh phí hỗ trợ miễn phí đào tạo quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho HKD, CNKD;
hỗ trợ miễn phí đào tạo quản trị về kinh doanh bền vững cho hộ kinh doanh năm 2027**
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

DVT: đồng

TT	Nội dung (khóa đào tạo/địa bàn)	Đơn vị tính	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ (Điều, khoản tham chiếu)			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền/tổng chi phí tổ chức	NSNN hỗ trợ		Nguồn tài trợ (nếu có)	Tư học phí của học viên/HKD, CNKD đóng góp	Nghị định 20/2026/NĐ-CP	Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT	Thông tư 52/2023/TT-BTC	
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ						
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=g-h-i	l	m	n	o
I	Đào tạo trực tiếp về quản trị (bao gồm quản trị kế toán, thuế, nhân sự). (=1+2+3+4)		56	400.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	-	-				
1	Khóa đào tạo quản trị (từ 20-30 học viên/khóa/phường)	Khóa	14	100.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	14 Phường
2	Khóa đào tạo quản trị kế toán (từ 20-30 học viên/khóa/phường)	Khóa	14	100.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	14 Phường
3	Khóa đào tạo quản trị thuế (từ 20-30 học viên/khóa/phường)	Khóa	14	100.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	14 Phường
4	Khóa đào tạo quản trị nhân sự (từ 20-30 học viên/khóa/phường)	Khóa	14	100.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	-	-	Điều 11	khoản 2, khoản 3 Điều 12	Điểm a,b khoản 1; khoản 4 Điều 8	14 Phường
II	Đào tạo quản trị về kinh doanh bền vững cho hộ kinh doanh									Điều 11			Quyết định số 926/QĐ-TTg của TTCP
III	Quản lý trực tiếp hoạt động đào tạo	Phường	14	100.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000						
	Tổng cộng (=I+II+III)		70	500.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-				

Biểu 4 : Dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành năm 2027
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: đồng

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ		Từ tài trợ (nếu có)	Từ học phí của học viên	Quyết định số 525/QĐ-TTg	Dự thảo Thông tư	
						Chi phí đề tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ					
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=f-h-i	m	n	
I	HỖ TRỢ ĐẠO TẠO THEO PHƯƠNG THỨC PHIẾU HỌC BỔNG	-	20	50.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-		Điều 6	
1.1	Lãnh đạo cấp chiến lược (Strategic Leadership), Giám đốc điều hành (CEO program), Giám đốc chuyên môn (Functional Executive), Lãnh đạo kế cận (NexGen CEO):		10	20.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000					
-	Học viên	HV	10	20.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000			khoản 1 mục II Điều 1		
-	Học viên thuộc điểm d khoản 5 Mục I tại Quyết định số 525/QĐ-TTg	HV		25.000.000	-							
1.2	Quản trị kinh doanh thực chiến (Mini MBA):		10	30.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000					
-	Học viên	HV	10	30.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000			khoản 1 mục II Điều 1		
-	Học viên thuộc điểm d khoản 5 Mục I tại Quyết định số 525/QĐ-TTg	HV		35.000.000	-							
II	HỖ TRỢ ĐẠO TẠO THEO PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC KHÓA ĐẠO TẠO											
2.1	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp											
-	Khóa đào tạo Giám đốc điều hành	Khóa										
-	Khóa đào tạo Giám đốc chuyên môn	Khóa										
-	Khóa đào tạo quản trị kinh doanh thực chiến (Mini MBA)	Khóa										
-	Khóa đào tạo Lãnh đạo kế cận (Next Gen CEO)	Khóa										
2.2	Hỗ trợ đào tạo trực tuyến											
-	Bài giảng trực tuyến	bài giảng										
-	Thuê, mua tài khoản học trực tuyến trên các nền tảng có sẵn	Tài khoản										
III	HỖ TRỢ SAU ĐẠO TẠO											
3.1	Phòng thí nghiệm lãnh đạo (CEO Lab)									khoản 3 mục II Điều 1		
-	Chương trình CEO Lab	Khóa										
3.2	Chương trình sẵn sàng CEO (CEO Readiness Program)									khoản 3 mục II Điều 1		
-	Chương trình sẵn sàng CEO	Khóa										
3.3	Chương trình trò chuyện doanh nhân (CEO Talk)									khoản 3 mục II Điều 1		
-	Chương trình CEO Talk	Chương trình										
IV	HỖ TRỢ TRUYỀN THÔNG											
4.1	Tổ chức Diễn đàn giám đốc điều hành (CEO Forum)	Diễn đàn								Điểm c khoản 4 mục II Điều 1		
4.2	Xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới cựu học viên (CEO Alumni)	Chương trình										
	Tổng (I+II+III+IV)		20	50.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-			

Biểu 5: Dự toán kinh phí phát triển 1.000 doanh nghiệp tiên phong năm 2027
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: đồng

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ nếu có	Tư học phí của học viên hoặc DNNVV đóng góp	Quyết định 631/QĐ-TTg	Dự thảo Thông tư	
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ					
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=f-h-i	m	n	
I	Hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong về thủ tục đầu tư, hải quan, niêm yết trên thị trường chứng khoán		5	30.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	-	0	điểm c khoản 1 mục II Điều 1		
1.1	Hỗ trợ chi phí niêm yết lần đầu	DN	5	10.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	-	-		QĐ số 141/QĐ-BTC ngày 29/4/2025	
1.2	Hỗ trợ chi phí quản lý niêm yết trong 12 tháng kể từ tháng sau liền kề tháng SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết	DN	5	20.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	-	-			
II	Hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định sản phẩm		5	280.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	980.000.000	-	420.000.000	điểm a khoản 2 Mục II Điều 1		
2.1	Hỗ trợ chi phí đo lường, thử nghiệm, kiểm định, giám định, hiệu chuẩn, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận chất lượng, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, quy trình, mô hình kinh doanh của doanh nghiệp	DN	5	90.000.000	450.000.000	450.000.000	315.000.000		135.000.000		Dự thảo Thông tư	Tối đa 200 tr
2.2	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, kiểm nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn trong nước, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn của thị trường, đối tác	DN	5	90.000.000	450.000.000	450.000.000	315.000.000		135.000.000			
2.3	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm mới, sản phẩm đổi mới sáng tạo, sản phẩm, dịch vụ xuất khẩu, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, sản phẩm, giải pháp hoặc mô hình kinh doanh xanh, bền vững, bao trùm	DN	5	100.000.000	500.000.000	500.000.000	350.000.000		150.000.000			
III	Hỗ trợ chi phí đăng ký bản quyền, sở hữu trí tuệ		-	-	-	-	-	-	-	điểm b khoản 4 Mục II Điều 1		
	Hỗ trợ chi phí đăng ký bản quyền, sở hữu trí tuệ										Dự thảo Thông tư	
IV	Hỗ trợ tăng cường năng lực cho doanh nghiệp tiên phong		5	700.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	Điểm a khoản 5 Mục II Điều 1		
4.1	Tư vấn chiến lược, hoạch định kế hoạch kinh doanh, quản trị doanh nghiệp gồm có xây dựng chiến lược kinh doanh, đổi mới kế hoạch kinh doanh, chiến lược mua bán và sáp nhập; các chương trình cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên.	DN	5	100.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000				Dự thảo Thông tư	

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐVT	Chi phí thực tế			Phân chia nguồn				Căn cứ		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Tổng chi phí)	NSNN hỗ trợ		Tư tài trợ nếu có	Tư học phí của học viên hoặc DNNVV đóng góp	Quyết định 631/QĐ-TTg	Dự thảo Thông tư	
						Chi phí để tính NSNN hỗ trợ	Số tiền NSNN hỗ trợ					
a	b	c	d	e	f=d*e	g	h	i	j=f-h-i	m	n	
4.2	Tư vấn tài chính và vận hành gồm có tối ưu hoá quy trình nội bộ, tiếp cận tài chính và đầu tư; niêm yết chứng khoán; kiểm toán và quản trị rủi ro	DN	5	100.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000				Dự thảo Thông tư	
4.3	Tư vấn phát triển nguồn nhân lực và văn hoá doanh nghiệp: phát triển khả năng lãnh đạo, xây dựng các chiến lược nhân sự phù hợp với chiến lược doanh nghiệp; phát triển văn hoá doanh nghiệp	DN	5	100.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000				Dự thảo Thông tư	
4.4	Tư vấn phát triển sản phẩm và thị trường gồm có nghiên cứu và khảo sát thị trường mục tiêu; tiếp cận thị trường mục tiêu; các chứng chỉ quốc tế về sản phẩm, thị trường; liên kết thị trường, hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối ở nước ngoài và đưa hàng hóa Việt Nam tham gia vào hệ thống phân phối ở nước ngoài	DN	5	150.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000				Dự thảo Thông tư	
4.5	Tư vấn công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chuyển đổi mô hình kinh doanh bền vững.	DN	5	150.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000				Dự thảo Thông tư	
4.6	Tư vấn các nội dung khác nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, đổi mới quản trị doanh nghiệp.	DN	5	100.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000				Dự thảo Thông tư	
V	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường		5	300.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	Điểm a khoản 6 Mục II Điều 1		
	Hỗ trợ tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế nhằm quảng bá sản phẩm ra thị trường nước ngoài, tìm kiếm đối tác quốc tế.	DN	5	300.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000				Dự thảo Thông tư	
VI	Tôn vinh, biểu dương, khen thưởng trong Chương trình									Điểm b khoản 1 Mục III Điều 1		
	Thẩm định, công bố DN tiên phong											
VII	Truyền thông về Chương trình									Khoản 1 Mục IV Điều 1		
	Truyền thông và lan tỏa kết quả											
	Tổng (I+II+ III+IV+V+VI+VII)		20	1.310.000.000	6.550.000.000	6.550.000.000	6.130.000.000	-	420.000.000			

Biểu 6: Tổng hợp khái toán kinh phí NSTW hỗ trợ DNTN, HKD năm 2027
(Ban hành kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Tên nhiệm vụ/Đơn vị thực hiện	Tổng dự toán	Trong đó			Căn cứ	Ghi chú
			Từ NSTW	Từ NSDP	Từ đóng góp, tài trợ (nếu có)		
(a)	(b)	(c=d+e+f)	(d)	(e)	(f)	(h)	
1	Hỗ trợ DNNVV (bao gồm DNNVV kinh doanh bền vững)	12.800.000.000	6.950.000.000		5.850.000.000	- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn chi tiết - Quyết định số 926/QĐ-TTG ngày 25/05/2026	Số liệu tổng hợp từ Biểu 2
2	Hỗ trợ miễn phí đào tạo quản trị (bao gồm quản trị, kế toán, thuế, nhân sự) cho HKD, CNKD; Hỗ trợ đào tạo miễn phí quản trị về kinh doanh bền vững cho HKD	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	- Nghị định 20/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn chi tiết - Quyết định số 926/QĐ-TTG ngày 25/05/2026	Số liệu tổng hợp từ Biểu 3
3	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành	500.000.000	500.000.000	-	-	Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 31/3/2026	Số liệu tổng hợp từ Biểu 4
4	Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong	6.550.000.000	6.130.000.000	-	420.000.000	Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 6/4/2026	Số liệu tổng hợp từ Biểu 5
TỔNG							